

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DIAMOND KEY GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DIAMOND KEY GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIAMOND KEY GROUP TRADING AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DIAMOND KEY GROUP TAS., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110408539

3. Ngày thành lập: 06/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 88 Đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 086.979.8455

Fax:

Email: diamondkeygroup.vn@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Nội thất, thang máy, thang cuốn, cửa cuốn, cửa tự động, hệ thống thông gió, hệ thống viễn thông, thông tin liên lạc, dây dẫn chống sét, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung; Thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (trừ đầu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (trừ đầu giá hàng hóa)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa; Bán buôn thực phẩm chức năng bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm dinh dưỡng y học, kể cả thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt,...	4632
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Kinh doanh dược; Bán buôn trang thiết bị y tế	4649(Chính)
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ bán buôn thiết bị, phần mềm máy tính dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) bao gồm bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp, bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) bao gồm bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng bằng mọi chất liệu, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng: máy photocopy, máy chiếu, đèn chiếu, máy hủy giấy, máy fax...; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu bao gồm bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp, bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động, bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu, Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác, bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy ; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
26.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá	8299
28.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	9000
29.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
30.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
31.	Hoạt động thể thao khác	9319
32.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
33.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

34.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xoa bóp (không bao gồm các thủ thuật xuyên qua da gây chảy máu)	9610
35.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
36.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
37.	Lập trình máy vi tính	6201
38.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
39.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
40.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
41.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
42.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Không gồm các thông tin nhà nước cấm và dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
43.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy	7110
44.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
45.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
46.	Quảng cáo (trừ quảng cáo hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật, thuốc lá, rượu)	7310
47.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
48.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế website; Thiết kế nội thất, thiết kế sân khấu (trừ thiết kế công trình xây dựng)	7410
49.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
50.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của những nhà báo độc lập, thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, tư vấn chứng khoán)	7490
51.	Cho thuê xe có động cơ	7710
52.	Bán buôn tổng hợp	4690
53.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

54.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm chức năng bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm dinh dưỡng y học, kể cả thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt,...tại cửa hàng chuyên doanh.	4722
55.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
56.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
57.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
58.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
59.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
60.	Sản xuất giày, dép	1520
61.	In ấn (trừ tin tiền, tem bưu chính và các sản phẩm Nhà nước cấm)	1811
62.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
63.	Sao chép bản ghi các loại	1820
64.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
65.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
66.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
67.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
68.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
69.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
70.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
71.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thực phẩm chức năng bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thực phẩm dinh dưỡng y học, kể cả thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt,...lưu động hoặc tại chợ.	4781
72.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
73.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
74.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
75.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu và trừ hoạt động của đầu giá viên)	4789
76.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đầu giá bán lẻ qua internet)	4791
77.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đầu giá ngoài cửa hàng)	4799

78.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
79.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
80.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
81.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
82.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
83.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
84.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
85.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
86.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
88.	Bốc xếp hàng hóa	5224
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
91.	Chuyển phát	5320
92.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
93.	Cơ sở lưu trú khác	5590
94.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
95.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
96.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
97.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ)	5630
98.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
99.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
100.	Hoạt động hậu kỳ (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5912
101.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động báo chí, hoạt động phát hành chương trình truyền hình, hoạt động cấp bản quyền)	5913

102.	Hoạt động chiếu phim	5914
103.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
104.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu bao gồm cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: cho thuê động cơ, dụng cụ máy, thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, thiết bị sản xuất điện ảnh, thiết bị đo lường và điều khiển,...; Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không kèm người điều khiển: mô tô, xe lưu động, cắm trại..., động cơ tàu hỏa, cho thuê container, cho thuê palet, cho thuê động vật (như vật nuôi, ngựa đua),...	7730
105.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
106.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
107.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
108.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
109.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
110.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
111.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
112.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
113.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
114.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
115.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
116.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
117.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
118.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
119.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
120.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ thiết bị, phần mềm ngay trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4741
121.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
122.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
123.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

124.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
125.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
126.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
127.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
128.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
129.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
130.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh dược; Bán lẻ trang thiết bị y tế	4772
131.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ QUỲNH	Xóm 7, Xã Diên Hạnh, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	0403030075 63	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		
2	LÊ ANH TUẤN	CH1013 HH2 Khu nhà ở 90 Đường Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	0010810121 86	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		

3	TRẦN ANH DŨNG	Số 6 hẻm 2 ngõ 16 Phố Quang Trung, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	80,000	025087015194
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	80.000	800.000.000	80,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/04/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001081012186

Ngày cấp: 11/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: CH1013 HH2 Khu nhà ở 90 Đường Nguyễn Tuấn, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH1013 HH2 Khu nhà ở 90 Đường Nguyễn Tuấn, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội